

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19-7-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hạnh

2. Bà Dương Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nga Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn tham gia phiên tòa:

Bà: Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nga Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXX-ST, ngày 03 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị Trang - Sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn 9, xã Nga An, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. (có mặt);

2/ *Bị đơn:* Anh Mai Văn Cường - Sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn 9, xã Nga An, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. (có mặt);

3/ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1/ Ông Mai Văn Lý - Sinh năm 1965.; địa chỉ: Số 53, đường Đình Hương, phường Đông Cương, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

3.2/ Ông Mai Văn Hà - Sinh năm: 1967; địa chỉ: Thôn Hải Bình, xã Nga Hải, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; (có mặt);

3.3/ Chị Mai Thị Oanh - Sinh năm 1969; địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. (có mặt);

3.4/ Quỹ tín dụng nhân dân Nga Thành.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Chấn Lý; Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Thôn Đông Xuân, xã Nga Thành, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa;(vắng mặt);

3.5/ Ông Mai Văn Kiếng - Sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn 9, xã Nga An, Nga Sơn, Thanh Hóa; (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

3.6/ Bà Phạm Thị Sửu - Sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn 9, xã Nga An, Nga Sơn, Thanh Hóa; (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

3.7/ Anh Mai Văn Duy - Sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn 9, xã Nga An; huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; (vắng mặt);

3.8/ Anh Mai Văn Sơn - Sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn 9, xã Nga An; huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; (vắng mặt);

3.9/ Ông Nguyễn Khắc Thơm - Sinh năm 1977; địa chỉ: Khu đô thị mới, thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa;(vắng mặt);

3.10/ Anh Mai Văn Thê, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn 8, xã Nga An; huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

3.11/ Anh Phạm Quang Sỹ - Sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn Hồ Nam, xã Nga Thành, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

3.12/ Chị Nguyễn Thị Vui - Sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn 9, xã Nga Liên, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.(vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 22/11/2021, bản tự khai, đơn đề nghị nguyên đơn chị Mai Thị Trang trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Mai Văn Cường kết hôn với nhau vào ngày 18/12/2009, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã Nga An cấp đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: do trong cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tính tình vợ chồng không hòa hợp, quan điểm luôn trái ngược nhau, anh Cường thường xuyên đánh đập chị, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tháng 3/2021, anh Cường đã làm đơn xin ly hôn chị. Sau đó lại rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2021 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh Cường và chị không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Cường theo quy định.

- Về con: Vợ chồng có 02 con chung là Mai Văn Trường, sinh ngày 13/6/2011 và Mai Thị Phụng, sinh ngày 22/5/2017. Hiện tại hai cháu đều đang ở cùng anh Cường. Khi chị về nhà mẹ đẻ thì anh Cường cản trở, không cho chị mang con đi cùng. Sau ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu Phụng, giao cháu Trường cho anh Cường nuôi dưỡng; không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản:

+ Về đất: Diện tích đất ở 300m², tại thửa đất số 753, tờ bản đồ 08 (BĐ ĐC, xã Nga An), được UBND huyện Nga Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/4/2007, đứng tên anh Mai Văn Cường. Đây là tài sản riêng của anh Cường, được hình thành trước hôn nhân nên chị không yêu cầu giải quyết.

+ Tài sản chung của vợ chồng: 01 nhà hai tầng và công trình phụ diện tích đất khoảng 120m²/1 tầng (hai tầng là 240m²), xây dựng năm 2016, giá trị 750.000.000đ. Chị đề nghị nhận ½ giá trị về tài sản của vợ chồng. Tài sản sinh hoạt, chị không yêu cầu.

* Tại bản tự khai ngày 20/12/2021, các đơn đề nghị bị đơn anh Mai Văn Cường trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Trang kết hôn vào ngày tháng năm như chị Trang đã trình bày. Vợ chồng chung sống được 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị Trang không còn là người vợ, người mẹ của các con anh. Chị Trang đã bỏ các con cho anh nuôi. Nay chị Trang làm đơn ly hôn, anh không đồng ý vì các con còn nhỏ, cần sự chăm sóc của bố và mẹ.

- Về con: vợ chồng có 02 con chung như chị Trang trình bày. Các cháu đều đang ở cùng anh. Khi chị Trang bỏ nhà đi anh không cho chị mang các con đi cùng vì chị Trang không có tư cách làm mẹ của các con anh. Nếu ly hôn, anh đề nghị được nuôi cả 2 con, không yêu cầu chị Trang cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản:

+ Về đất: Diện tích đất 300m², tại thửa đất số 753, tờ bản đồ 08 (BĐ ĐC, xã Nga An), được UBND huyện Nga Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/4/2007, đứng tên anh Mai Văn Cường. Chị Trang trình bày là tài sản riêng của anh là đúng. Ngoài ra, còn 01 nhà ngang xây dựng năm 1989, anh sửa chữa, cải tạo lại năm 2006 (trước khi anh xây dựng gia đình), giá trị khoảng 50.000.000đ;

+ Về tài sản chung: 01 nhà 2 tầng, tầng một xây kiên cố diện tích là 97m²; tầng 2 không đổ trần mà lợp ngói đỏ, diện tích 60m², xây dựng năm 2016; giá trị khoảng 507.000.000đ; 01 sân gạch, diện tích 30m², giá trị 15.000.000đ; tường rào phía Tây, giá trị 15.000.000đ; cổng sắt 3.000.000đ; Tổng giá trị tài sản là 540.000.000đ.

- Về nợ chung: Vợ chồng nợ:

+ Ông Mai Văn Lý, địa chỉ: TP Thanh Hóa, số tiền 25.000.000đ;

+ Công thợ xây nhà năm 2016 (ông Hà) là 31.000.000đ.

+ Chị Oanh (cửa hàng vật liệu xây dựng Bốn Oanh) là 10.868.000đ.

+ Quỹ tín dụng nhân dân Nga Thành là 220.000.000đ (vợ chồng vay giúp cho ông Mai Văn Tựa, chú chị Trang là 113.000.000đ, ông đã trả 13.000.000đ cho anh và anh chi tiêu cá nhân 7.000.000đ, tổng anh sử dụng riêng là 20.000.000đ. Số tiền ông Tựa nợ vợ chồng anh là 100.000.000đ (có giấy tờ nhận tiền); vợ chồng anh sử dụng là 100.000.000đ).

+ Năm 2016, anh trực tiếp vay ông Mai Văn Kiếng (bố đẻ anh): 150.000.000đ (không giấy viết tay), sau khi anh yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung thì ông Kiếng viết giấy cho anh nộp Tòa án.

+ Năm 2016, vợ chồng vay anh Mai Văn Duy (em trai): 10.000.000đ (không có giấy tờ gì).

+ Năm 2016, vay anh Mai Văn Sơn (em trai): 10.000.000đ (không có giấy tờ gì). Năm 2019, vợ chồng trả 5.000.000đ, còn nợ 5.000.000đ.

+ Tháng 4 và tháng 7 năm 2018, anh vay anh Nguyễn Khắc Thơm 70.000.000đ (để đưa chị Trang đi chữa bệnh tại Hà Nội).

+ Anh Mai Văn Thể, số tiền son nhà 2016 là 15.000.000đ (không có giấy tờ biên nhận).

+ Anh Phạm Quang Sỹ, số tiền 5.000.000đ, vào năm 2016 để đào móng và xúc đất vào nền nhà (không có hợp đồng, chỉ thỏa thuận bằng văn bản miệng do anh em quen biết). Số tiền 7.000.000đ anh vay của anh Sỹ là nợ riêng.

+ Chị Vui (Cửa hàng vật liệu xây dựng Dương Vui), số tiền 11.600.000đ, năm 2016.

Anh đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung và công nợ chung theo quy định. Riêng số tiền nợ Quỹ tín dụng nhân dân Nga Thành, anh sử dụng chi tiêu riêng là 20.000.000đ, nên anh đề nghị chị Trang trả 100.000.000đ, anh trả 120.000.000đ (anh sẽ không yêu cầu gì đối với ông Tựa nữa, còn sau này ông Tựa trả cho chị Trang như thế nào là do chị Trang quyết định) và anh có trách nhiệm trả cho anh Sỹ 7.000.000đ, do không liên quan đến chị Trang.

Tổng nợ chung của vợ chồng là 553.468.000đ; nợ riêng của anh là 7.000.000đ.

* Tại các đơn đề nghị bổ sung của chị Trang đối với công nợ như yêu cầu anh Cường như sau:

- Vợ chồng còn nợ, gồm:

+ Ông Mai Văn Lý, địa chỉ: TP Thanh Hóa, số tiền 25.000.000đ;

+ Công thợ xây nhà năm 2016 (ông Hà) là 31.000.000đ.

+ Chị Oanh (Cửa hàng vật liệu xây dựng Bốn Oanh) là 10.868.000đ.

+ Anh Mai Văn Thể là 15.000.000đ.

+ Quỹ tín dụng nhân dân Nga Thành, vợ chồng nợ 220.000.000đ (thực tế sử dụng chung 100.000.000đ; vay hộ cho ông chú là Mai Văn Tựa, còn nợ 100.000.000đ; anh Cường sử dụng chi tiêu riêng là 20.000.000đ. Chị đồng ý nhận trả thay cho chú Tựa nên số nợ chị chịu trách nhiệm trả là 100.000.000đ, anh Cường trả là 120.000.000đ.

- Chị đồng ý nợ những người sau nhưng số tiền chỉ còn là:

+ Anh Mai Văn Sơn số tiền còn nợ là 4.000.000đ.

+ Chị Vui (Cửa hàng vật liệu xây dựng Dương Vui), số tiền là 4.000.000đ.

+ Anh Phạm Quang Sỹ, số tiền nợ còn 3.000.000đ;

Chị không chấp nhận số nợ vượt quá như anh Cường yêu cầu đối với anh Sơn là 1.000.000; anh Sỹ là 2.000.000đ; chị Vui là 7.600.000đ; tổng là 10.600.000đ. Do vậy, tổng nợ chung của vợ chồng là 312.868.000đ.

- Chị không đồng ý vợ chồng nợ những người sau:

+ Ông Mai Văn Kiếng (bố chồng), số tiền 150.000.000đ. Anh Cường có vay ông bà như thế nào thì chị không biết, anh Cường cũng không bao giờ nói với chị về số nợ đó. Anh Cường vay sử dụng vào việc chơi cờ của anh hay việc riêng thì anh Cường phải có trách nhiệm trả nợ.

+ Anh Mai Văn Duy (em trai anh Cường) số tiền 10.000.000đ.

+ Anh Nguyễn Khắc Thơm số tiền 70.000.000đ.

Tổng cộng 230.000.000đ

Ngoài ra, số tiền nợ 10.000.000đ chị vay của ông bà ngoại không có giấy tờ viết tay, để sử dụng vào việc chi tiêu gia đình, anh Cường không thừa nhận. Chị muốn cho anh Cường biết. Chị rút yêu cầu về số nợ này, không đề nghị Tòa án xem xét.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ý kiến của ông Lý: số tiền vợ chồng chị Trang, anh Cường nợ ông là 25.000.000đ (có giấy viết tay), đề nghị anh Cường, chị Trang phải có trách nhiệm trả số tiền trên cho ông.

- Ý kiến của ông Hà: số tiền vợ chồng nợ công xây nhà là 31.000.000đ, đề nghị anh Cường, chị Trang phải có trách nhiệm trả số tiền trên cho ông.

- Ý kiến của ông Kiêng: anh Cường vay ông 150.000.000đ để làm nhà, chị Trang biết. Ông yêu cầu anh Cường, chị Trang phải có trách nhiệm trả số tiền trên cho ông.

- Ý kiến anh Thê: anh Cường, chị Trang còn nợ anh 15.000.000đ, anh đề nghị anh chị có trách nhiệm trả cho anh.

- Ý kiến anh Sơn: anh Cường, chị Trang vay anh 10.000.000đ (không có giấy tờ), đã trả được 5.000.000đ, số nợ còn lại là 5.000.000đ, yêu cầu anh, chị trả nợ cho anh.

- Ý kiến anh Sỹ: anh Cường thuê anh múc móng khi làm nhà, còn nợ lại 5.000.000đ; sau đó anh Cường hỏi vay anh 7.000.000đ; anh yêu cầu anh Cường trả toàn bộ số nợ trên cho anh.

- Ý kiến chị Vui (chủ cửa hàng vật liệu Dương Vui): Xuất trình 01 giấy ghi nợ của nhà anh Cường vào năm 2015, sau đó có đơn trình bày đính chính lại năm chốt nợ là 2016, số tiền là 11.600.000đ.

- Ý kiến chị Oanh (cửa hàng vật liệu bốn Oanh): số nợ anh Cường, chị Trang còn nợ mua vật liệu của cửa hàng là 10.868.000đ.

- Ý kiến của ông Mai Chấn Lý (giám đốc Quỹ tín dụng Nga Thành): theo hồ sơ vay vốn, hiện tại anh Cường còn nợ Quỹ tín dụng là 220.000.000đ, đề nghị anh Cường trả nợ cho Quỹ tín dụng theo quy định;

- Ý kiến anh Thơm: Tháng 6/2018, anh Cường trực tiếp vay anh 70.000.000đ để đi chữa bệnh cho chị Trang (không có giấy tờ viết tay). Anh yêu cầu anh Cường, chị Trang phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh.

- Ý kiến bà Sửu: Anh Cường vay Quỹ tín dụng nhân dân Nga Thành 220.000.000đ vào năm 2022 là do trước đó anh Cường, chị Trang vay quỹ tín dụng. Hết thời hạn là phải đáo hạn. Do chị Trang không ở chung cùng anh Cường nên khi anh Cường vay, người thừa kế là ông bà đứng ra ký thay và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà để cho anh Cường vay lại số tiền trên. Bà đề nghị chị Trang, anh Cường có trách nhiệm trả nợ cho Quỹ tín dụng để anh Cường lấy lại giấy tờ đất về trả lại cho ông bà.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn và bị đơn thống nhất:

- Về hôn nhân; tài sản chung và số tiền nợ chung, gồm: ông Lý, Quý tín dụng Nga Thành, anh Thử, ông Hà, chị Oanh;

- Thống nhất về nợ chung, nhưng không thống nhất về số tiền còn nợ của anh Sơn, anh Sỹ, chị Vui;

- Không thống nhất về người trực tiếp nuôi con chung và số tiền anh Cường trực tiếp vay là nợ chung, gồm: ông Kiểng, anh Duy, anh Thơm;

- Khoản vay 7.000.000đ của anh Sỹ, anh Cường thừa nhận anh vay không liên quan gì đến chị Trang.

Chị Trang, anh Cường đều có đơn đề nghị Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản”. Kết quả như sau:

- * Về đất: Diện tích đất ở 300m², tại thửa đất số 753, tờ bản đồ 08 (BĐ ĐC, xã Nga An), được UBND huyện Nga Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/4/2007, đứng tên anh Mai Văn Cường. Đây là tài sản riêng của anh Cường, được hình thành trước hôn nhân nên chị Trang và anh Cường thống nhất không yêu cầu xem xét.

- * Về tài sản:

- 01 nhà 2 tầng (hình chữ L), xây dựng năm 2016

- + Tầng 1: Chiều rộng: phía Nam: 5,1m; phía Bắc: 8,6m; Chiều dài: phía Đông (4,1m; 4,1m; 4,3m); phía Bắc: 12,1m; Diện tích= 85,82m²

- + Tầng 2: mái lợp ngói, đóng trần nhựa: số đo như tầng 1, gồm: diện tích xây dựng 50,56m²; bán bình, lợp tôn thường, rào sắt: 35,26m²; Diện tích chung là 85,82m²

- Nhà ngang (3 gian, hướng Nam), xây dựng năm 1989: rộng= 5,4m; dài 10,35m; diện tích= 55,89m².

- Sân lát gạch bát đỏ, năm 2016, phía Đông giáp nhà 2 tầng: rộng= 4,9m; dài= 10,1m; diện tích =49,49m²;

- Sân bê tông, năm 2016, phía Đông trước nhà 3 gian: rộng 5,5m; dài 5,5m; diện tích 30,25m²;

- Bể nước mưa, xây năm 1989: cao 0,9m, dài 1,3m; thể tích 1,17m³.

- Nhà tắm, xây năm 1989: dài 2,7m; rộng 1,4m; cao 0,9m; diện tích 3,4m²

- Tường rào: dài 11,3m; cao 2,2m; diện tích: 24,86m²;

- Cổng sắt: dài 3m; cao 2,2m; diện tích 6,6 m²

- * Kết quả định giá tài sản: Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa, giá trị các tài sản như sau:

- 01 nhà 2 tầng (hình chữ L), xây dựng năm 2016

- + Tầng 1: Diện tích 85,82m² x 3.619.000đ/m² =310.582.580; khấu hao giá trị sử dụng còn 201.878.677đ;

+ Tầng 2: Diện tích $85,82m^2 \times 3.012.000đ/m^2 = 258.489.840đ$; khấu hao giá trị sử dụng còn 168.018.396đ;

- Sân lát gạch bát đỏ, năm 2016, phía Đông giáp nhà 2 tầng: diện tích $49,49m^2 \times 88.000đ/m^2 = 4.355.000đ$; khấu hao giá trị còn 1.306.536đ.

- Sân bê tông, năm 2016, phía Đông trước nhà 3 gian: diện tích $30,25m^2 \times 41.000đ/m^2 = 1.240.250đ$; giá trị còn 372.075đ;

- Tường rào: diện tích: $24,86m^2 \times 378.000đ/m^2 = 9.397.080đ$; giá trị còn: 2.819.124đ;

- Cổng sắt: diện tích $6,6m^2 \times 455.000đ/m^2 = 3.003.000đ$; giá trị còn: 900.900đ.

* Tổng giá trị các tài sản chung là: 375.295.708đ (*Ba trăm bảy lăm triệu hai trăm chín lăm nghìn bảy trăm lẻ tám đồng*)

- Nhà ngang (3 gian, hướng Nam), xây dựng năm 1989: diện tích $55,89m^2$; Bể nước mưa, xây năm 1989: thể tích $1,17m^3$; Nhà tắm, xây năm 1989: diện tích $3,4m^2$; khấu hao hết giá trị.

Do các đương sự không thống nhất các nội dung yêu cầu. Vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Mặc dù, Người có có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Mai Văn Thể, anh Phạm Quang Sỹ, chị Nguyễn Thị Vui, chị Mai Thị Oanh, anh Mai Văn Duy, anh Mai Văn Sơn, anh Nguyễn Khắc Thơm, ông Mai Chấn Lý đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trang vẫn đề nghị ly hôn anh Cường; về con: chị đề nghị nuôi cháu Phụng; anh Cường nuôi cháu Trường; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung: chị đề nghị giải quyết theo quy định; về nợ chung: chị yêu cầu Tòa án xem xét các khoản nợ chung của vợ chồng là 312.868.000đ (trong đó: khoản nợ của Quỹ tín dụng nhân dân Nga Thành là 220.000.000đ, chị trả 100.000.000đ, anh Cường trả 120.000.000đ); chị không chịu trách nhiệm trả nợ chung đối với khoản nợ anh Cường trực tiếp vay của ông Kiếng, anh Thơm, anh Duy là 230.000.000đ; đồng thời chị đề nghị xem xét khoản nợ chung nhưng anh Cường yêu cầu phát sinh thêm là 10.600.000 (gồm: anh Sơn, anh Sỹ, chị Vui) theo quy định.

Đối với bị đơn, anh Cường đồng ý ly hôn; về con anh đề nghị được nuôi 02 con, không yêu cầu chị Trang cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản xây dựng trên đất anh đề nghị giải quyết theo quy định; về nợ anh đề nghị giải quyết tổng nợ chung của vợ chồng là 553.468.000đ (trong đó: khoản nợ của Quỹ tín dụng nhân dân Nga Thành là 220.000.000đ, anh trả 120.000.000đ; chị Trang trả 100.000.000đ);

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Kiếng, ông Lý, anh Hà, đại diện Quỹ tín dụng nhân dân Nga Thành, anh Thể, anh Sỹ, anh

Thom, anh Sơn, bà Sửu, chị Vui, chị Oanh chưa chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định; anh Duy không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trang và anh Cường;

+ Về con: giao 02 cháu Mai Văn Trường, sinh ngày 13/6/2011 và cháu Mai Thị Phụng, sinh ngày 22/5/2017 cho anh Cường trực tiếp nuôi dưỡng; Chị Trang không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản: Giao anh Cường quản lý, sử dụng các tài sản gồm 01 nhà hai tầng; 01 sân lát gạch bát đỏ; 01 sân bê tông; tường rào; cổng sắt, có tổng giá trị là 375.295.708đ nằm trên diện tích 300m² đất ở, tại thửa đất số 753, tờ bản đồ 08 (BĐ ĐC, xã Nga An), được UBND huyện Nga Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 005935 ngày 17/4/2007, mang tên anh Mai Văn Cường. Anh Cường có trách nhiệm trả lại tiền chênh lệch về tài sản cho chị Trang.

+ Về nợ: Chị Trang và anh Cường có nghĩa vụ trả nợ chung đối với số tiền nợ của ông Lý, ông Hà, chị Oanh, anh Thế, Quý tín dụng nhân dân Nga Thành; anh Sơn, anh Sỹ, chị Vui.

Anh Cường có nghĩa vụ trả nợ riêng cho anh Sỹ.

Anh Cường có nghĩa vụ trả các khoản nợ không được chấp nhận là nợ chung của vợ chồng, gồm: ông Kiếng, anh Duy, anh Thom.

+ Về án phí: Chị Trang, anh Cường phải chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

* Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: chị Trang và anh Cường kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Theo các đương sự trình bày, vợ chồng chung sống đến tháng 8/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị Trang trình bày do tính tình không phù hợp, anh Cường đánh đập chị và đã bị Công an xã Nga An xử phạt hành chính; theo anh Cường trình bày do chị Trang có quan hệ với người đàn ông khác nên không xứng đáng là người mẹ, người vợ của anh và các con. Tuy nhiên, hai bên đều thừa nhận đã sống ly thân từ tháng 8/2021 đến nay, trong thời gian sống ly thân chị và anh Cường không còn quan tâm gì đến nhau. Chị Trang đề nghị ly hôn, anh Cường cũng nhất trí. Xét cuộc sống chung của chị Trang và anh Cường mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể duy trì được, chị Trang và anh Cường thuận tình ly hôn nên được HĐXX chấp nhận xem xét.

[2] Về con: Vợ chồng có 02 con chung là Mai Văn Trường, sinh ngày 13/6/2011 và Mai Thị Phụng, sinh ngày 22/5/2017. Sau ly hôn, chị Trang đề nghị trực tiếp nuôi cháu Phụng; giao cháu Trường cho anh Cường trực tiếp nuôi dưỡng; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với anh Cường đề nghị nuôi cả 02 con, không yêu cầu chị Trang cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu về người trực tiếp nuôi con của các đương sự đều chính đáng. Qua xác minh tại UBND xã Nga An, hai cháu đang ở cùng anh Cường. Hội đồng xét xử xét thấy anh Cường, chị Trang đều là lao động, có thu nhập, mức thu nhập của anh Cường là 10.000.000đ/tháng; mức thu nhập của chị Trang là 6.100.000đ/tháng. Xét thấy, cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau để chăm sóc, nuôi dưỡng các con sau ly hôn, HĐXX xét thấy cháu Phụng còn nhỏ và là con gái nên cần có sự chăm sóc từ người mẹ; cháu Trường là con trai, cháu đã lớn lại có nguyện vọng xin ở với bố. Vì vậy, nên giao cháu Phụng cho chị Trang trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Trường cho anh Cường trực tiếp nuôi dưỡng; không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp thực tế cũng như quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản riêng của anh Cường: Diện tích đất ở 300m², tại thửa đất số 753, tờ bản đồ 08 (BĐ ĐC, xã Nga An), được UBND huyện Nga Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/4/2007, đứng tên anh Mai Văn Cường và tài sản xây dựng trên đất, gồm: Nhà ngang (3 gian, hướng Nam), xây dựng năm 1989: diện tích= 55,89m²; Bể nước mưa, xây năm 1989: thể tích 1,17m³; Nhà tắm, xây năm 1989: diện tích 3,4m²; khấu hao hết giá trị. Đây là tài sản riêng của anh Cường, được hình thành trước hôn nhân nên chị Trang và anh Cường thống nhất không yêu cầu xem xét nên miễn xét.

[4] Về tài sản chung: Vợ chồng chị Trang, anh Cường có tài sản xây dựng trên diện tích đất đứng tên anh Cường, gồm:

- 01 nhà 2 tầng (hình chữ L), xây dựng năm 2016
- + Tầng 1: Diện tích 85,82m², giá trị 201.878.677đ;
- + Tầng 2: Diện tích 85,82m², giá trị 168.018.396đ;
- Sân lát gạch bát đỏ, năm 2016, phía Đông giáp nhà 2 tầng: diện tích 49,49m² giá trị 1.306.536đ.
- Sân bê tông, năm 2016, phía Đông trước nhà 3 gian: diện tích 30,25m², giá trị 372.075đ;
- Tường rào: diện tích: 24,86m²; giá trị 2.819.124đ;
- Cổng sắt: diện tích 6,6 m²; giá trị 900.900đ.

* Tổng giá trị các tài sản chung là: 375.295.708đ (*Ba trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm lẻ tám đồng*)

Các tài sản trên nằm trên diện tích đất của anh Cường nên giao cho anh Cường quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng có giá trị 375.295.708đ (*Ba trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm lẻ tám đồng*),

Anh Cường có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch về tài sản cho chị Trang là 187.647.854đ (*Một trăm tám bảy triệu sáu trăm bốn bảy nghìn tám trăm năm tư đồng*).

[5] Về nợ chung:

[5.1] Theo nguyên đơn chị Trang về nợ chung, gồm:

- Ông Mai Văn Lý 25.000.000đ; ông Hà 31.000.000đ; chị Oanh (cửa hàng vật liệu Bốn Oanh) 10.868.000đ; anh Thê 15.000.000đ; Quỹ tín dụng nhân dân Nga Thành 220.000.000đ (anh Cường nhất trí chị Trang trả 100.000.000đ, còn anh trả 120.000.000đ); tổng cộng: 301.868.000đ. Như vậy chị Trang đồng ý trả 140.934.000đ; anh Cường trả 160.934.000đ.

- Vợ chồng vay, đã trả và còn nợ lại, gồm: anh Sơn 4.000.000đ; anh Sỹ còn nợ 3.000.000đ; chị Vui (cửa hàng vật liệu Dương Vui) 4.000.000đ; tổng cộng: 11.000.000đ. Chị Trang đồng ý mỗi người chịu trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ nợ chung, cụ thể mỗi người phải trả nợ là 5.500.000đ.

- Ngoài ra, những người cho anh Cường vay chị không biết, gồm: ông Kiếng 150.000.000đ; anh Duy 10.000.000đ; anh Thơm 70.000.000đ; tổng cộng: 230.000.000đ. Chị Trang không đồng ý trả nợ chung, vì đây là nợ riêng, anh Cường phải chịu trách nhiệm.

[5.2] Theo bị đơn anh Cường về nợ chung, gồm:

- Ông Lý 25.000.000đ; ông Hà 31.000.000đ; chị Oanh 10.868.000đ; anh Thê 15.000.000đ; Quỹ tín dụng Nga Thành 220.000.000đ (anh nhất trí trả 120.000.000đ, chị Trang trả 100.000.000đ); tổng cộng: 301.868.000đ. Như vậy, anh đồng ý trả 160.934.000đ; chị Trang trả 140.934.000đ;

- Vợ chồng vay những người sau nhưng đã trả và còn nợ lại: anh Sơn 5.000.000đ; anh Sỹ 5.000.000đ; chị Vui 11.600.000đ; tổng cộng: 21.600.000đ. Anh không đồng ý như nội dung chị Trang trình bày ở trên và nhận trách nhiệm trả nợ là 5.500.000đ. Số nợ trên mỗi người chịu $\frac{1}{2}$, tương ứng mỗi người phải trả là 10.800.000đ.

- Khoản nợ những người sau, gồm: ông Kiếng 150.000.000đ; anh Duy 10.000.000đ; anh Thơm 70.000.000đ; tổng cộng: 230.000.000đ. Chị Trang không đồng ý trả nợ chung, là không đúng. Tuy anh là người trực tiếp vay ông Kiếng (bố anh vào năm 2016, có giấy viết tay); vay anh Duy (em trai) và anh Thơm không có giấy tờ, nhưng những khoản vay này anh đều nói cho chị Trang biết. Anh đề nghị chị Trang phải có trách nhiệm trả nợ chung, mỗi người phải trả là 115.000.000đ.

[5.3] Xét yêu cầu về nợ chung, HĐXX thấy rằng:

- Đối với khoản nợ chung, gồm: Ông Mai Văn Lý 25.000.000đ; ông Hà 31.000.000đ; chị Oanh (cửa hàng vật liệu Bốn Oanh) 10.868.000đ; anh Thê 15.000.000đ; Quỹ tín dụng Nga Thành 220.000.000đ; tổng cộng: 301.868.000đ. Hai bên thống nhất, chị Trang trả 140.934.000đ; anh Cường trả 160.934.000đ là có căn cứ chấp nhận.

- Đối với khoản nợ những người sau: anh Sơn; anh Sỹ; chị Vui; trong đó: chị Trang đồng ý chỉ còn nợ 11.000.000đ; anh Cường yêu cầu số nợ những người trên là 21.600.000đ.

Xét thấy, số nợ hai bên yêu cầu giữa chị Trang và anh Cường chênh lệch nhau là 10.600.000đ. Tuy nhiên, chị Trang nại ra đã trả và còn nợ của anh Sơn 4.000.000đ; anh Sỹ còn nợ 3.000.000đ; chị Vui 4.000.000đ nhưng không có giấy tờ gì chứng minh. Căn cứ vào ý kiến của anh Sơn, anh Sỹ, chị Vui thì số tiền nợ như anh Cường đề nghị là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu của anh Cường đối với tổng số nợ chung, buộc mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ số nợ, tương ứng mỗi người phải trả là 10.800.000đ.

- Đối với khoản nợ anh Cường trực tiếp vay: ông Kiếng 150.000.000đ; anh Duy 10.000.000đ; anh Thơm 70.000.000đ; tổng cộng: 230.000.000đ. Những khoản nợ này, ông Kiếng viết giấy nợ khi vợ chồng ly hôn, còn của anh Sơn, anh Thơm không có giấy tờ gì thể hiện. Tuy nhiên, căn cứ lời trình bày của ông Hà về việc là thợ xây công trình của nhà anh Cường, chị Trang thì ngoài việc nhận tiền công theo hợp đồng của anh Cường thì ông không nhận chở vật liệu xây dựng hay thanh toán tiền vật liệu xây dựng cho nhà anh Cường, chị Trang. Ông Kiếng trực tiếp cho anh Cường vay, tuy nhiên chị Trang không thừa nhận khoản vay này, ông Kiếng, anh Cường cũng không chứng minh được việc chị Trang biết số tiền vay trên; đối với số tiền của anh Sơn, anh Thơm cho anh Cường trực tiếp vay, chị Trang không biết, nhưng anh Thơm, anh Sơn, anh Cường đều không có tài liệu chứng minh. Do đó, số tiền 230.000.000đ anh Cường trực tiếp vay của ông Kiếng, anh Sơn, anh Thơm, HĐXX không đủ căn cứ để buộc chị Trang chịu trách nhiệm trả nợ chung.

Đối với số tiền 7.000.000đ, anh Cường vay của anh Sỹ, anh Sỹ yêu cầu anh Cường phải trả lại cho anh. Anh Cường đồng ý đây là khoản vay riêng, không liên quan đến chị Trang. Do đó, số nợ này buộc anh Cường phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh Sỹ là phù hợp.

Từ những căn cứ trên, buộc chị Trang, anh Cường có nghĩa vụ thanh toán nợ chung là 323.468.000đ (*Ba trăm hai ba triệu bốn trăm sáu tám nghìn đồng*); trong đó chị Trang chịu trách nhiệm trả là 151.734.000đ (*Một trăm năm một triệu bảy trăm ba tư nghìn đồng*); anh Cường chịu trách nhiệm trả nợ là 171.734.000đ (*Một trăm bảy một triệu bảy trăm ba tư nghìn đồng*);

Anh Cường có trách nhiệm trả nợ riêng cho ông Kiếng, anh Sơn, anh Thơm, anh Sỹ, tổng số nợ là 237.000.000đ (*Hai trăm ba bảy triệu đồng*).

[6] Nghĩa vụ thực hiện trả nợ:

* Nghĩa vụ trả nợ chung: Căn cứ vào số nợ của các chủ nợ là không đồng đều nên giao cho chị Trang, anh Cường trả nợ như sau:

- Giao chị Trang trả nợ cho ông Hà 31.000.000đ.

- Giao anh Cường trả nợ cho ông Mai Văn Lý 25.000.000đ; chị Oanh 10.868.000đ; anh Thử 15.000.000đ; Quỹ tín dụng Nga Thành 220.000.000đ; anh Sơn là 5.000.000đ; anh Sỹ là 5.000.000đ; chị Vui là 11.600.000đ; tổng cộng là: 292.468.000.000đ (*Hai trăm chín hai triệu bốn trăm sáu tám nghìn đồng*).

* Nghĩa vụ trả nợ riêng: Buộc anh Cường phải trả nợ cho ông Kiêng 150.000.000đ; anh Duy 10.000.000đ; anh Thơm 70.000.000đ và khoản nợ của anh Sỹ 7.000.000đ (anh Cường vay riêng); tổng cộng: 237.000.000đ (*Hai trăm ba bảy triệu đồng*).

Như vậy, chị Trang trả nợ là 151.734.000đ; anh Cường trả nợ 171.734.000đ. Tuy nhiên, giao chị Trang trả nợ 31.000.000đ, anh Cường trả nợ là 292.468.000đ. Anh Cường phải trả nợ nhiều hơn chị Trang là 241.468.000đ nên chị Trang phải trả lại tiền chênh lệch về nợ chung cho anh Cường là 120.734.000đ (*Một trăm hai mươi triệu bảy trăm ba tư nghìn đồng*).

* Đối trừ nghĩa vụ: Anh Cường phải trả lại tiền chênh lệch về tài sản chung cho chị Trang là 187.647.854đ. Tuy nhiên, chị Trang phải trả lại tiền chênh lệch về nợ chung cho anh Cường là 120.734.000đ. Do đó, anh Cường còn phải trả lại cho chị Trang là 66.913.854đ (*Sáu sáu triệu chín trăm mười ba nghìn tám trăm năm tư đồng*).

[7] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, chị Trang và anh Cường phải chịu chi phí theo quy định.

[8] Về án phí:

- Chị Trang phải chịu án phí DSST về ly hôn; án phí DSST đối với giá trị tài sản chung (35.913.854.000đ x 5%); án phí đối với việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung (151.734.000đ x 5%) theo quy định;

- Anh Cường phải chịu án phí DSST đối với giá trị tài sản chung (15.913.854.000đ x 5%); án phí đối với việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung (171.734.000đ x 5%) theo quy định; án phí đối với yêu cầu về nợ chung không được chấp nhận là (230.000.000đ x 5%); án phí về nợ riêng (7.000.000đ x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 55; Điều 59; Điều 81; Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, b khoản 1 Điều 24; khoản 1 Điều 26; điểm a, b khoản 5; điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1/ Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Trang và anh Mai Văn Cường.

2/ Về con: Giao cháu Mai Thị Phượng, sinh ngày 22/5/2017 cho chị Trang trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Mai Văn Trường, sinh ngày 13/6/2011 cho anh Cường trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trang, anh Cường không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3/ Về tài sản:

* Giao anh Cường quyền quản lý, sử dụng các tài sản xây dựng trên diện tích đất ở 300m², tại thửa đất số 753, tờ bản đồ 08 (BĐ ĐC, xã Nga An), được UBND huyện Nga Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/4/2007, đứng tên anh Mai Văn Cường; địa chỉ xã Nga An, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, gồm:

- 01 nhà 2 tầng (hình chữ L); tổng diện tích là 171,64m², giá trị 369.897.073đ;
- Sân lát gạch bát đỏ, phía Đông giáp nhà 2 tầng: diện tích là 49,49m², giá trị 1.306.536đ.

- Sân bê tông, năm 2016, phía Đông trước nhà 3 gian: diện tích là 30,25m²; giá trị 372.075đ;

- Tường rào: diện tích: 24,86m²; giá trị 2.819.124đ;

- Cổng sắt: diện tích 6,6 m²; giá trị 900.900đ.

* Tổng giá trị các tài sản chung là: 375.295.708đ (*Ba trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm lẻ tám đồng*). (có sơ đồ nhà trên đất kèm theo)

4/ Về nợ:

4.1 Nghĩa vụ trả nợ chung:

- Buộc chị Trang có trách nhiệm trả cho ông Hà số tiền 31.000.000đ (*Ba mươi mốt triệu đồng*).

- Buộc anh Cường trả cho ông Lý 25.000.000đ; chị Oanh 10.868.000đ; Quỹ tín dụng nhân dân Nga Thành số tiền gốc là 220.000.000đ và tiền lãi theo dư nợ thực tế; anh Sơn 5.000.000đ; anh Sỹ 5.000.000đ; chị Vui 11.600.000đ; anh Thê 15.000.000đ; tổng cộng là 292.468.000đ (*Hai trăm chín hai triệu bốn trăm sáu tám nghìn đồng*).

4.2. Nghĩa vụ trả nợ riêng:

- Anh Cường trả nợ cho anh Sỹ khoản anh vay riêng là 7.000.000đ

- Anh Cường trả các khoản nợ không được chấp nhận là nợ chung, gồm: ông Kiếng 150.000.000đ; anh Duy 10.000.000đ; anh Thơm 70.000.000đ

Tổng cộng là 230.000.000đ (*Hai trăm ba mươi triệu đồng*).

5. Đối trừ nghĩa vụ: Anh Cường phải trả lại cho chị Trang số tiền chênh lệch về tài sản chung và nợ chung là 66.913.854đ (*Sáu sáu triệu chín trăm mười ba nghìn tám trăm năm mươi bốn đồng*).

Kể từ ngày ông Hà, ông Lý, chị Oanh, anh Sơn, anh Sỹ, chị Vui, anh Thê, anh Thơm, anh Duy, ông Kiếng, chị Trang có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án (chị Trang, anh Cường) không thi hành, thì hàng tháng chị Trang, anh Cường còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh Cường còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho Quỹ tín dụng Nga Thành, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Quỹ tín dụng nhân dân Nga Thành cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Quỹ

tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Quỹ tín dụng nhân dân Nga Thành cho vay.

6. Về án phí: Chị Mai Thị Trang phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*); án phí DSST đối với giá trị tài sản chung là 1.796.000đ; án phí đối với việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung là 7.587.000đ; tổng cộng là 9.683.000đ (*Chín triệu sáu trăm tám ba nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST chị đã nộp 17.300.000đ (*Mười bảy triệu ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0014787 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn; chị Trang được trả lại 7.617.000đ (*Bảy triệu sáu trăm mười bảy nghìn đồng*) án phí DSST.

Anh Cường phải chịu án phí DSST đối với giá trị tài sản chung là 796.000đ; án phí đối với việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung là 8.587.000đ; án phí đối với yêu cầu về nợ chung không được chấp nhận là 11.500.000đ; án phí về nợ riêng là 350.000đ; tổng cộng là 21.233.000đ (*Hai một triệu hai trăm ba ba nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Cường đã nộp 12.992.000đ (*Mười hai triệu chín trăm chín hai nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0014870 ngày 11/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn; anh Cường còn phải nộp 8.241.000đ (*Tám triệu hai trăm bốn một nghìn đồng*) án phí DSST

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự

7. Quyền kháng cáo: Chị Trang, anh Cường, ông Hà, chị Oanh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Lý, Quỹ tín dụng nhân dân Nga Thành; ông Kiểng, bà Sửu, anh Duy, anh Sơn, anh Thơm, anh Thê, anh Sỹ, chị Vui có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GD-KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã Nga An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Huệ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hạnh

Dương Thị Thắm

Lê Thị Huệ